

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 18 – 3 - 2024

V/v tranh chấp “Chia tài sản chung trong
thời kỳ hôn nhân sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân.

Các Thẩm phán: Ông Mai Hoàng Khải.

Ông Trương Vĩnh Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Mai Thị Đào Quyên
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11 và ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 330/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1050/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Đỗ Nam H, sinh năm 1997

Địa chỉ: số A N, phường A, thành phố M, Tiền Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 19/6/2023 số chứng thực 791, quyển số 01-SCT/CK,ĐC.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện G, Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Duy M – Văn phòng Luật sư Phạm Duy M, Đoàn luật sư tỉnh T.

Địa chỉ: Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Văn V**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: **ấp H, xã L, huyện G, Tiền Giang.**

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh **Trần Văn T1**.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thanh T** trình bày:

Chị và anh **Trần Văn T1** là vợ chồng. Năm 2022 chị và anh **T1** ly hôn, được Tòa án nhân dân huyện G cho ly hôn theo Quyết định số 145 ngày 17/5/2022 (Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự). Về tài sản chung chưa giải quyết, tự thỏa thuận phân chia. Sau ly hôn, chị có đề cập việc tự thỏa thuận phân chia nhưng anh **T1** không thống nhất việc phân chia tài sản chung sau ly hôn. Nay chị yêu cầu chia tài sản chung gồm: thửa đất số 283, diện tích 564,4m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03572 ngày 20/7/2011, điều chỉnh trang 4 do anh **T1** đứng tên ngày 01/6/2016; thửa 325, diện tích 1.256,3m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06274 ngày 05/7/2017 do anh **T1** đứng tên; thửa 271, diện tích 329,9m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06270 ngày 05/7/2017 do anh **T1** đứng tên; 01 căn nhà diện tích 97m² kết cấu vách tường, mái tole, nền lát gạch xây năm 2011 có 01 nhà phụ và nhà bếp cát trên thửa đất số 283; 05 con bò (4 nái, 01 ghé); chuồng bò; 01 tủ áo gỗ; 01 tủ ly gỗ thao lao; 01 tủ ti vi gỗ thao lao; 01 tivi; 01 tủ gỗ thao lao; 01 giường ngủ gỗ thao lao; 01 tủ lạnh; 01 bộ bàn ghế inox (01 bàn, 10 ghế); 02 giá võng sắt; 01 bộ bếp ga và bình ga. Chị yêu cầu chia đôi chị nhận bằng tiền.

Bị đơn anh **Trần Văn T1** trình bày:

Những tài sản mà chị **T** kê khai thì anh thống nhất tài sản chung gồm có: căn nhà trên thửa đất số 283; bò có 03 con bò nái, trước đây có 03 con nái và 01 con ghé nhưng anh đã bán con ghé sau khi Tòa án đã giải quyết ly hôn giá 12.000.000 đồng. Hiện chỉ còn 03 con bò nái; chuồng bò; các vật dụng trong nhà như 01 tủ ao; 01 tủ ly; 01 tủ ti vi; 01 tivi; 01 tủ gỗ; 01 giường ngủ; 01 tủ lạnh; 01 bộ bàn ghế inox (01 bàn, 10 ghế); 02 giá võng sắt; 01 bếp ga + bình ga. Tuy nhiên anh không đồng ý chia cho chị **T**, do trước đây chị **T** lấy 01 cây vàng 24K; 01 bộ vòng simen 9 chiếc; 01 chiếc xe máy loại 50; tiền gửi Ngân hàng là 100.000.000 đồng; 02 phần hụi là 25.000.000 đồng. Ngoài ra chị **T** còn lấy các vật dụng trong nhà như gạo, lúa, cuốc, mô tưa, xe đạp, tranh thờ. Chị **T** quản lý tài sản đó thì anh quản lý tài sản còn lại coi như đã chia xong. Đối với 3 thửa đất số 283, 271 và 325 là của cha mẹ tặng cho riêng anh nên anh không đồng ý chia.

Tại đơn phản tố của anh **T1** yêu cầu chia số tiền tiết kiệm chị **T** đang giữ là 75.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền lãi; 01 cây vàng 24K; 01 bộ vòng simen 5 chỉ vàng 18K; tiền hụi 25.000.000 đồng. Anh **T1** yêu cầu chia đôi số tài sản trên, anh nhận bằng tiền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Trần Văn V** trình bày:

Anh là anh ruột của anh **Trần Văn T**, nhà anh **V** và nhà anh **T1** cạnh nhau. Thửa đất số 271, tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây lâu năm tại **ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang** do **Trần Văn T1** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 379,9m², trong đó anh đang sử dụng phần đất có diện tích 193,4m² của thửa đất 271 nói trên. Bởi vì trước đây mẹ của anh cho các anh em, anh và anh **T1** giáp ranh nên phần đất này mẹ anh cũng cho anh. Tuy nhiên do khi làm giấy đất phần đất này chỉ có diện tích 193,4m² không đủ điều kiện cấp giấy, phần của anh **T1** có diện tích là 186,5m² cũng không đủ điều kiện cấp giấy nên anh và anh **T1** thỏa thuận là để **T1** đứng tên phần đất 193,4m² này luôn. Anh sử dụng phần đất này hơn 20 năm nay, anh và **T1** không có tranh chấp gì. Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị **T** đối với phần đất này vì đất này anh quản lý sử dụng từ trước giờ. Anh xin vắng mặt tại Tòa án cho đến khi giải quyết xong vụ kiện tranh chấp giữa **T** và **T1**, anh không yêu cầu gì trong vụ án này.

* Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 330/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều Điều 175, 177, 228, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 33, 35, 38, 38, 59 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thanh T**.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh **Trần Văn T1**

- Anh **Trần Văn T1** được tiếp tục sở hữu căn nhà móng cột bằng bê tông cốt thép, kèo bằng gỗ quy cách, vách xây gạch, nền xi măng lát gạch ceramic, mái lợp tole xi măng; mái che cột bê tông đúc sẵn, mái lợp tole xi măng, nền xi măng vách lá; chuồng trại cột bê tông đúc sẵn, nền xi măng, vách tường lửng, lợp tole xi măng cất trên thửa đất 283; 02 con bò.

- Chị **T** được tiếp tục ở hữu 3,5 chỉ vàng 24K; 01 bộ vòng simen 9 chiếc 4,5 chỉ vàng 18K, tiền tiết kiệm 65.846.400 đồng và tiền hụi là 20.000.000 đồng.

- Anh **Trần Văn T1** có trách nhiệm giao lại cho chị **Nguyễn Thị Thanh T** số tiền 181.172.879 đồng (một trăm tám mươi một triệu một trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thanh T** về việc yêu cầu chia đôi ba thửa đất số 283, diện tích 564,4m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03572 ngày 20/7/2011, điều chỉnh trang 4 do anh **Trần Văn T1** đứng tên ngày 01/6/2016; thửa 325, diện tích 1.256,3m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06274 ngày 05/7/2017; thửa 271, diện tích 329,9m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06270 ngày 05/7/2017 do anh **Trần Văn T1** đứng tên.

4/ Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh **Trần Văn T1** về việc yêu cầu chị **Nguyễn Thị Thanh T** chia đôi 6,5 chỉ vàng 24K, 0,5 chỉ vàng 18K; 5.000.000 đồng tiền hụi.

5/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thanh T** về việc yêu cầu chia 01 tủ áo gỗ; 01 tủ ly gỗ thao lao; 01 tủ ti vi gỗ thao lao; 01 tivi; 01 cũi gỗ thao lao; 01 giường ngủ gỗ thao lao; 01 tủ lạnh; 01 bộ bàn ghế inox (01 bàn, 10 ghế); 02 giá võng sắt; 01 bộ bếp ga và bình ga.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 29 tháng 8 năm 2023, bị đơn **Trần Văn T1** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cụ thể là: Không đồng ý chia giá trị giữ gìn bồi thố đất bằng 30% giá trị quyền sử dụng đất cho chị **T**; Trong số 10 chỉ vàng 24 K, chị **T** thừa nhận có giữ 6,5 chỉ vàng nhưng tòa chỉ chấp nhận 3,5 chỉ vàng còn lại để chia là không đúng; Tiền ngân hàng còn 75.000.000 đồng và 5.846.400 đồng tiền lãi nhưng tòa chỉ xác định còn 60.000.000 đồng và 5.846.400 đồng tiền lãi là không đúng; bộ simen 05 chỉ vàng nhưng tòa chỉ xác định 4,5 chỉ vàng là không đúng. Tiền hụi 25.000.000 đồng không đồng ý chỉ có 20.000.000 đồng. Giá nhà và bò là chưa phù hợp yêu cầu định giá lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thanh T** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn gồm thửa đất số 283, diện tích 564,4m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03572 ngày 20/7/2011; thửa 325, diện tích 1.256,3m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06274 ngày 05/7/2017; thửa 271, diện tích 329,9m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06270 ngày 05/7/2017; 01 căn nhà diện tích 97 m² kết cấu vách tường, mái tole, nền lát gạch xây năm 2011 có 01 nhà phụ và nhà bếp cất trên thửa đất số 283; 05 con bò (4 nái, 01 nghé) chuồng bò; anh **Trần Văn T1** giữ nguyên yêu cầu phản tố chia tài sản chung vợ chồng gồm tiền tiết kiệm chị **T** đang giữ là 75.000.000 đồng và tiền lãi; 01 cây vàng 24K; 01 bộ vòng simen 05 chỉ vàng 18K; tiền hụi 25.000.000 đồng; tiền rom và tiền thức ăn cho bò là 19.945.000 đồng.

- Người kháng cáo anh **Trần Văn T1** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận chia 30% giá trị quyền sử dụng đất; yêu cầu chia 75.000.000 đồng tiền ngân hàng và 5.846.400 đồng lãi; yêu cầu chia 6,5 chỉ vàng 24k; yêu cầu chia 05 chỉ vàng 18 (**bộ S**); yêu cầu chia 25.000.000 đồng tiền hụi; yêu cầu định giá lại 02 con bò và nhà.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh **T1** có ý kiến rằng tại phiên tòa chị **T** cũng thừa nhận 03 thửa đất có nguồn gốc của mẹ chồng cho riêng anh **T1**. Và chị cũng không có chứng cứ gì chứng minh là có công sức trong việc giữ gìn, tôn tạo tài sản này nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh **T1**, sửa án sơ thẩm về phần tuyên buộc anh **T1** chia 30% giá trị đất cho chị **T**. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **T** định giá mỗi con bò còn lại là 15.000.000 đồng và không yêu cầu chia căn nhà phụ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa chị **T** đồng ý không chia nhà phụ; anh **T1** cùng chị **T** đồng ý giá mỗi con bò là 15.000.000 đồng nên kháng cáo của anh **T1** là có căn cứ một phần nên chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 330/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thanh T** khởi kiện yêu cầu anh **Trần Văn T1** chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn; Anh **Trần Văn T1** cũng có yêu cầu phản tố chia tài sản chung vợ chồng mà chị **T** đang quản lý nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn*” là có căn cứ đúng qui định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Thanh T** với bị đơn anh **Trần Văn T1** là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh **Trần Văn T1** là đúng qui định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của anh **Trần Văn T1**, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Những nội dung anh **T1** kháng cáo gồm: Không đồng ý chia giá trị giữ gìn bồi thổ đất bằng 30% giá trị quyền sử dụng đất cho chị **T**; Trong số 10 chỉ vàng 24K, chị **T** thừa nhận có giữ 6,5 chỉ vàng nhưng tòa chỉ chấp nhận 3,5 chỉ vàng còn lại để chia là không đúng; Tiền ngân hàng còn 75.000.000 đồng và 5.846.400 đồng tiền lãi nhưng tòa chỉ xác định còn 60.000.000 đồng và 5.846.400 đồng tiền lãi là không đúng; bộ simen 05 chỉ vàng nhưng tòa chỉ xác định 4,5 chỉ vàng là không đúng; tiền hụi là 25.000.000 đồng tòa chỉ xác định 20.000.000 đồng là không đúng. Giá nhà và bò là chưa phù hợp yêu cầu định giá lại. Xét các yêu cầu kháng cáo của anh **T1** nhận thấy:

- Theo các hợp đồng tặng cho ngày 11/4/2016 thể hiện bà **Nguyễn Thị R** tặng cho cá nhân anh **Trần Văn T1** các thửa đất số 283 (bút lục 63), thửa đất số 325 (bút lục 68), thửa đất số 271 (bút lục 80). Nội dung này cũng đã được chị **T** thừa nhận

tại phiên tòa nên xác định 03 thửa đất trên là tài sản riêng của anh **T1**. Theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Hôn nhân và gia đình về chia tài sản trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình thì “1. Trong trường hợp vợ chồng sống chung với gia đình mà ly hôn, nếu tài sản của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình không xác định được thì vợ hoặc chồng được chia một phần trong khối tài sản chung của gia đình căn cứ vào công sức đóng góp của vợ chồng vào việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung cũng như vào đời sống chung của gia đình. Việc chia một phần trong khối tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận với gia đình; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”. Như vậy, trong trường hợp vợ chồng sống chung cùng gia đình của một bên thì được xét chia một phần giá trị do công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản chung của gia đình. Trong khi đó người vợ cũng sống chung cùng chồng, cũng có công sức đóng góp vào việc tạo lập, duy trì, phát triển khối tài sản riêng của chồng lại không được chia công sức đóng góp là bất công, không bảo vệ được quyền lợi chính đáng của người phụ nữ. Do đó cần áp dụng tương tự pháp luật quy định pháp luật nêu trên để chia cho người vợ một phần công sức đóng góp mới phù hợp. Xét thấy theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của hai bên thì thửa 325, diện tích 1.256,3m² khi được tặng cho là đất trồng lúa. Đến khi chị **T** ly hôn vẫn còn là đất trồng lúa không có sự thay đổi. Riêng 02 thửa 283, diện tích 564,4m² và thửa 271, diện tích 329,9m² (trong đó của anh **V** là 164,95 m²) là một thửa chung mà anh **T1**, chị **T** sử dụng làm nhà chính, nhà phụ, chuồng bò để ở và chăn nuôi. 02 thửa đất này trước đây là đất trồng lúa đến nay đã được cải tạo thành đất cát nhà ở và trồng cây lâu năm. Thời gian chị **T** cùng chồng sinh sống và canh tác trên phần đất này đã gần 20 năm nên ít nhiều phải có công sức đóng góp giữ gìn, tôn tạo nhà đất cho phần tài sản này. Do đó yêu cầu chia một phần công sức của chị **T** đối với phần diện tích này là có căn cứ, cụ thể là: thửa 283 diện tích 562,4 m²; thửa 271, diện tích 329,9m² của anh **V** và anh **T1** nên phần của anh **T1** là 164,95 m² (329,9m²/2). Tổng cộng là 727,35 m². Giá đất theo Hội đồng định giá là 200.000đ/m² thành tiền là 145.470.000 đồng nên phần công sức đóng góp của chị **T** được chia 30% là 43.641.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm anh **T1** không đồng ý chia giá trị căn nhà phụ là 13.961.000 đồng theo biên bản định giá ngày 30/3/2023 vì đã gần như hư hỏng hoàn toàn. Phía chị **T** cũng đồng ý không yêu cầu chia căn nhà phụ này nên giá trị căn nhà và chuồng trại trên đất còn lại tổng cộng là 164.214.000 đồng, chia đôi mỗi người một phần là 82.107.000 đồng.

- Đối với 04 con bò trong đó có 01 con anh **T1** bán giá 12.000.000 đồng, chị **T** thống nhất nên ghi nhận; 01 con bò bị chết ngày 19/6/2023 anh **T1** bán với giá 5.500.000 đồng, đây là sự kiện bất khả kháng nên tính giá trị con bò đã chết theo giá mà anh **T1** đã bán là 5.000.000 đồng (có xác nhận của anh **Trần Quốc B** là người mua bò); còn lại 02 con bò, anh **T1** đang quản lý, anh **T1** yêu cầu định giá lại vì cấp sơ thẩm định giá mỗi con trị giá 25.000.000 đồng là quá cao. Tại phiên tòa phúc thẩm chị **T** ra giá 15.000.000 đồng/con được anh **T1** đồng ý nên ghi nhận. Do đó anh **T1** đang chăn nuôi 02 con bò nên cần tiếp tục giao anh **T1** sở hữu và

anh **T1** có nghĩa vụ giao tiền lại cho chị **T** $\frac{1}{2}$ giá trị 04 con bò là 23.500.000 đồng $\{(12.000.000 \text{ đồng} + 5.000.000 \text{ đồng} + 30.000.000 \text{ đồng})/2\}$.

- Về số tiền gửi ngân hàng: Tại Biên bản hòa giải ở tòa án ngày 20/6/2023 (bút lục 95) chị **T** thừa nhận: “Chị có rút tiền ngân hàng 100.000.000 đồng và 5.846.400 đồng tiền lãi. Đã sử dụng trả nợ chung 25.000.000 đồng. Đóng tiền học cho con 15.000.000 đồng, phần còn lại hiện đã chi xài hết không còn. Phía anh **T1** chỉ đồng ý có trả nợ chung 25.000.000 đồng; Xét thấy quá trình giải quyết chị **T** có cung cấp hóa đơn đóng học phí cho con **Trần A** Pha là 16.263.500 đồng vào ngày 09/12/2022 nên số tiền tiết kiệm chị **T** khai chỉ còn 60.000.000 đồng là phù hợp. Do đó chị **T** phải chia lại cho anh **T1** là 32.923.200 đồng $\{(60.000.000 \text{ đồng} + 5.846.400 \text{ đồng lãi})/2\}$.

- Về số tiền hụi vợ chồng chị có tham gia chơi 02 dây hụi 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị **T** thừa nhận một dây đã đóng được 15 kỳ, một dây đóng được 10 kỳ nhưng chị cho rằng chỉ hốt được 20.000.000 đồng là không phù hợp, bởi lẽ chị **T** thừa nhận đã góp 02 dây hụi tổng cộng được 25 kỳ. Hụi 1.000.000 đồng nên khi hốt chót chỉ ít phải được từ 25.000.000 đồng trở lên. Mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ là 12.500.000 đồng. Chị **T** đang giữ số tiền này nên buộc phải chia lại cho anh **T1** 12.500.000 đồng.

- Đối với 01 lượng vàng 24K chị **T** chỉ thừa nhận đang quản lý 3,5 chỉ vàng 24k khi ly thân. Anh **T1** cho rằng 01 lượng nhưng không có căn cứ chứng minh nên cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận số vàng chị **T** quản lý là 3,5 chỉ vàng 24K là phù hợp. Giá 3,5 chỉ vàng 24K thời điểm 18/8/2023 là 19.705.000 đồng nên mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ là 9.852.500 đồng. Chị **T** đang giữ số vàng này nên phải chia lại anh **T1** 9.852.500 đồng.

- Đối với bộ vòng simen 09 chiếc vàng 18K anh **T1** cho rằng 05 chỉ, chị **T** thừa nhận 4,5 chỉ là hợp lý vì vàng simen mỗi chiếc 05 phân, 09 chiếc là 4,5 chỉ vàng. Chị **T** cho rằng số vàng này có trước khi cưới, sau khi cưới có đổi lại, nhưng chị **T** không có chứng cứ gì chứng minh số vàng này có trước khi cưới. Do đó, xác định số vàng này là tài sản chung của vợ chồng nên cần chia đôi. Giá vàng 18K vào ngày 18/8/2023 là 19.746.000 đồng chia đôi mỗi phần là 9.873.000 đồng nên chị **T** phải chia lại anh **T1** 9.873.000 đồng.

- Ngoài ra số tiền rơm, thức ăn, phân thuốc trồng cỏ nuôi bò là 19.945.000 đồng, anh **T1** có cung cấp các hóa đơn, chứng từ về việc mua rơm, thức ăn nên xác định có chi phí này, phía chị **T** không cung cấp được chứng cứ chứng minh trước khi ly thân chị có dựa 100 cuộn rơm để nuôi bò, nên ý kiến này của chị **T** không được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định có số tiền 19.945.000 đồng là để trả chi phí để nuôi bò là tài sản chung của anh **T1** và chị **T**. Hội đồng xét xử đã chia $\frac{1}{2}$ giá trị 4 con bò cho chị **T** nên chị **T** phải trả lại anh **T1** $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí này là 9.972.500 đồng.

Như vậy, Tổng số tiền anh **T1** phải chia lại cho chị **T** là 149.248.000 đồng (43.641.000 đồng + 82.107.000 đồng + 23.500.000 đồng +); Tổng số tiền chị **T** phải chia lại cho anh **T1** là 65.148.700 đồng (32.923.200 đồng + 12.500.000 đồng)

+ 9.852.500 đồng + 9.873.000 đồng + 9.972.500 đồng). Do đó anh **T1** có nghĩa vụ chia lại chi **T** 84.099.300 đồng.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: anh **Trần Văn T1** không phải chịu án phí phúc thẩm. Người yêu cầu chia tài sản chung phải chịu án phí tương ứng phần được chia. Anh **T1** được chia 180.728.000 đồng; chị **T** được chia 224.369.000 đồng (đã làm tròn) nên phải chịu mức án phí tương ứng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33, 35, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh **Trần Văn T1**; Sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số: 330/2023/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thanh T** về việc yêu cầu chia 01 tủ áo gỗ; 01 tủ ly gỗ thao lao; 01 tủ ti vi gỗ thao lao; 01 tivi; 01 cũi gỗ thao lao; 01 giường ngủ gỗ thao lao; 01 tủ lạnh; 01 bộ bàn ghế inox (01 bàn, 10 ghế); 02 giá võng sắt; 01 bộ bếp ga và bình ga.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thanh T**; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh **Trần Văn T1**.

- Anh **Trần Văn T1** được tiếp tục sở hữu căn nhà móng cột bằng bê tông cốt thép, kèo bằng gỗ quy cách, vách xây gạch, nền xi măng lát gạch ceramic, mái lợp tole xi măng; mái che cột bê tông đúc sẵn, mái lợp tole xi măng, nền xi măng vách lá; chuồng trại cột bê tông đúc sẵn, nền xi măng, vách tường lửng, lợp tole xi măng cất trên thửa đất 283; 02 con bò.

- Chị **T** được tiếp tục sở hữu 3,5 chỉ vàng 24K; 01 bộ vòng simen 09 chiếc 4,5 chỉ vàng 18K, tiền tiết kiệm 65.846.400 đồng và tiền hụi là 25.000.000 đồng.

- Anh **Trần Văn T1** có trách nhiệm giao lại cho chị **Nguyễn Thị Thanh T** số tiền 84.099.300 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thanh T** về việc yêu cầu chia đôi ba thửa đất số 283, diện tích 564,4m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03572 ngày 20/7/2011, điều chỉnh trang 4 do anh **Trần Văn T1** đứng tên ngày 01/6/2016; thửa đất số 325, diện tích 1.256,3m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06274 ngày 05/7/2017; thửa đất số 271, diện tích

329,9m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06270 ngày 05/7/2017 do anh **Trần Văn T1** đứng tên.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh **Trần Văn T1** về việc yêu cầu chị **Nguyễn Thị Thanh T** chia đôi 6,5 chỉ vàng 24K và 0,5 chỉ vàng 18K;

6. Về án phí:

- Anh **T1** không phải chịu án phí phúc thẩm. **H1** lại anh **T1** 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0011625 ngày 29/8/2023 của Chi cục thi hành án huyện G. Anh **T1** còn phải chịu 9.036.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 2.212.500 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh **T1** đã nộp theo biên lai thu số 0027063 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên anh **T1** còn phải nộp tiếp 6.823.900 đồng án phí sơ thẩm.

- Chị **T** phải chịu 11.218.450 đồng được trừ vào 10.097.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị **T** đã nộp theo biên lai thu số 0026648 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, chị **T** còn phải nộp 1.121.450 đồng án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*(Án tuyên vào lúc 08 giờ 10 phút; Có mặt chị **T**, anh **T1**, anh **H**)./.*

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vân